

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 915/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2025

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Ngọc Yên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nhơn**

2. Bà **Bùi Thị Cẩm Vân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Hải An** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Quốc Vinh** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/2/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị A**

Địa chỉ: phường E, quận F, Thành phố Cần Thơ.

(có đơn xin vắng mặt)

Bị Đơn: **Ông Huỳnh Phi B**

Địa chỉ: Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2025, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải do bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà và ông Huỳnh Phi B tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND Phường Y, quận T, TP.HCM theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 122, quyển số 01 ngày 15/12/2006. Sau khi đăng ký kết hôn, ông bà sinh sống hòa thuận, hạnh phúc được một khoảng thời gian. Sau đó thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn và cãi vã nguyên nhân do ông bà không có cùng quan điểm sống, hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Tình trạng mâu thuẫn giữa ông bà ngày càng trở nên căng thẳng, trầm trọng, đặc biệt là khoảng năm 2020. Thời gian này, tuy ông bà vẫn chung sống dưới một mái nhà nhưng không còn nói chuyện và quan tâm lẫn nhau. Không khí trong gia đình rất ngột ngạt, căng thẳng và ảnh hưởng xấu đến các thành viên trong gia đình. Do vậy, khoảng tháng 07/2022, bà quyết định sống ly thân với ông B. Từ thời điểm ly thân bà đã không còn sống chung với ông B mà chuyển về Cần Thơ sinh sống.

Đến tháng 10/2024, bà A có nộp hồ sơ khởi kiện ly hôn với ông B tại Tòa án nhân dân quận T, Tp. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, vì muốn cho ông B cơ hội để sửa chữa sai lầm, cũng như vợ chồng hàn gắn, nên bà đã rút lại yêu cầu khởi kiện đã nộp.

Từ thời điểm rút đơn khởi kiện cho đến nay, bà vẫn tiếp tục ly thân với ông B. Bà vẫn tiếp tục sinh sống và làm việc ở Cần Thơ, không liên hệ hay gặp mặt ông B. Nay nhận thấy giữa bà và ông B đã không còn tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Phi B.

- Về con chung: bà và ông B có một con chung là trẻ tên Huỳnh Thị Yến C sinh ngày 26/02/2006. Do trẻ Huỳnh Thị Yến C đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn tại bản khai, các biên bản lập tại Tòa: ông Huỳnh Phi B xác nhận ông và bà Nguyễn Thị A tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 122, quyển số 01 ngày 15/12/2006 tại UBND Phường Y, quận T, TP.HCM trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình hôn nhân, ông và bà A cũng có mâu thuẫn mà bà A trình bày là có nhưng ông nghĩ là không lớn để dẫn đến việc ly hôn.

Ông xác nhận ông và bà A sống ly thân từ năm 2022 đến nay, bà A về nhà mẹ ở Cần Thơ sinh sống, còn ông sống trên Thành phố Hồ Chí Minh. Từ thời điểm đó đến nay, ông cũng không có hành động gì để bà A quay lại, ông

chỉ làm tròn trách nhiệm làm cha thời điểm đó, lo cho con. Nay bà A yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông nghĩ con còn nhỏ, không tự chăm sóc được bản thân mình. Ngoài ra, sau này con lớn dựng vợ gả chồng thì nếu ba mẹ ly hôn thì gia đình sui gia sẽ suy nghĩ không tốt. Đến thời điểm hiện tại ông chỉ muốn ly thân với bà A, không muốn ly hôn.

Về con chung: ông và bà A có một con chung tên là Huỳnh Thị Yên C sinh ngày 26/02/2006 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền. Các phần còn lại Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Hội đồng xét xử: Thời gian, địa điểm mở phiên Tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Về nội dung: căn cứ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Huỳnh Phi B cư ngụ tại quận T, TP.HCM nên căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, TP.HCM.

Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì quan

hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị A và ông Huỳnh Phi B là tranh chấp Ly hôn.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường Y, quận T cấp ngày 15/12/2006 thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị A và ông Huỳnh Phi B là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị A là do bất đồng quan điểm, có nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Mối quan hệ giữa bà A và ông B ngày càng mệt mỏi, không thể hàn gắn được nữa. Mặt khác, đôi bên đương sự cùng xác nhận đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Ngoài ra, cả hai đương sự đều xác nhận từ thời điểm cả hai sống ly thân cho đến nay hai ông bà mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không còn sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau về mọi mặt trong cuộc sống và cùng hướng tới xây dựng một gia đình hạnh phúc. Điều này đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Hơn nữa, kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần động viên bà A về đoàn tụ với ông B nhưng bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn của bà.

Về việc ông B trình bày không đồng ý ly hôn vì lý do là con còn nhỏ, không tự chăm sóc được bản thân mình. Hội đồng xét xử nhận thấy con chung của ông B và bà A là trẻ Huỳnh Thị Yến C sinh ngày 26/02/2006 đã trên 18 tuổi – là người đã thành niên. Tính đến ngày xét xử hôm nay, trẻ Huỳnh Thị Yến C không bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự hay hạn chế năng lực hành vi dân sự, không bị tuyên bố là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lý do ông B đưa ra là con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, cùng mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nay mâu thuẫn giữa bà A và ông B đã trầm trọng, đôi bên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên việc bà A xin ly hôn với ông B là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: bà A và ông B có 01 con chung tên là Huỳnh Thị Yến C sinh ngày 26/02/2006. Vì con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà A và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức và thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị A:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Huỳnh Phi B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường Y, quận T cấp ngày 15/12/2006 cho bà Nguyễn Thị A và ông Huỳnh Phi B hết hiệu lực kể từ ngày ban hành bản án này.

- Về con chung: bà Nguyễn Thị A và ông Huỳnh Phi B có 01 con chung tên là Huỳnh Thị Yến C sinh ngày 26/02/2006 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung và nợ chung: bà A và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị A chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0054837 ngày 26/2/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM
- VKS ND Quận Bình Thạnh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- THA DS Quận Bình Thạnh
- Các đương sự
- Lưu VP, HS

(Đã ký tên và đóng dấu)
Vũ Thị Ngọc Yến